TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 75 /2018/HNGĐ-ST.
Ngày: 27-8-2018
V/v "tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Thức
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Phan Thị Hiếu
2. Ông Ngô Tấn Thanh

Thư ký phiên tòa: Bà Lý Kim Yến – Thư ký Toà án, Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai *tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thị Chân Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2018, tại Phòng xét xử của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 471/2018/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2018 về "tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2018/QĐXX-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Bích V**, sinh năm 1990
Địa chỉ: Số 203, ấp T, xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai
Tạm trú: Xóm 5, xã H, huyện T, tỉnh Bình Định
- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Phong T**, sinh năm 1987
Địa chỉ: Số 203, ấp T, xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai.
Hiện đang chấp hành án phạt tù tại đội 27, phân trại I – Trại giam Huy Khiêm, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận

(Chị V có mặt, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, lời khai tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích V trình bày:

Chị và anh Nguyễn Phong T chung sống tự nguyện từ năm 2009 nhưng đến năm 2011 anh chị mới đăng ký kết hôn và được UBND xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 21/9/2011.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2015 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên

cải vã, anh T bị Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch xét xử 8 năm tù về tội mua bán trái phép chất ma túy, hiện anh đang thụ án tại đội 27, phân trại I – Trại giam Huy Khiêm, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận. Anh chị chính thức ly thân từ năm 2015 đến nay.

Nay chị V cương quyết xin ly hôn anh T vì không còn tình cảm vợ chồng.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có một con chung là cháu Nguyễn Trần Vân M – sinh ngày 14/8/2010. Chị V xin nuôi dưỡng cháu M và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa xem xét giải quyết.

Tại bản tự khai, bị đơn anh Nguyễn Phong T có ý kiến trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Bích V tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân. Anh chị được UBND xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 21/9/2011.

Sau kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc không phát sinh mâu thuẫn gì. Nhưng đến năm 2012 anh T nghiện ma túy nên đi cai nghiện bắt buộc 18 tháng, sau khi trở về đến năm 2015 anh tiếp tục bị Tòa án nhân dân huyện N xét xử 8 năm tù giam về về tội mua bán trái phép chất ma túy, hiện anh đang thụ án tại đội 27, phân trại I – Trại giam Huy Khiêm, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận. Anh chị chính thức ly thân từ năm 2015 đến nay.

Nhận thấy thời gian chấp hành án của anh còn dài, vợ chồng khó có thể quan tâm chia sẻ với nhau nên nay chị V xin ly hôn, anh T đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có một con chung là cháu Nguyễn Trần Vân M – sinh ngày 14/8/2010. Anh T đồng ý giao cháu M cho chị V nuôi dưỡng và anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa xem xét giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tố tụng: Tòa án nhân dân huyện N thụ lý và xác định quan hệ pháp luật của vụ án là ly hôn đúng với quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật; Về tư cách tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, thời hạn đưa vụ án ra xét xử, nguyên tắc xét xử đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử tiến hành đúng trình tự, thủ tục. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho chị V được ly hôn anh T, giao con chung cho chị V trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm vấn tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả thẩm vấn, tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

1/ Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích V nộp đơn đúng trình tự thủ tục, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Phong T, xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung", vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

2/ Về tư cách đương sự:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích V; bị đơn anh Nguyễn Phong T. Anh T có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xử vắng mặt anh T.

3/ Xét yêu cầu khởi kiện:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích V và anh Nguyễn Phong T chung sống tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Tại phiên tòa, chị V cương quyết xin ly hôn anh T và khai nại không còn tình cảm vợ chồng với anh T, thời gian ly thân đã lâu vợ chồng không gặp nhau bàn bạc đoàn tụ, anh T cũng đồng ý ly hôn với chị V nhưng anh T vắng mặt nên không thể ghi nhận cho anh chị thuận tình ly hôn mà xét xử cho chị V được ly hôn anh T là phù hợp quy định pháp luật.

- Về con chung: Anh chị khai có một con chung là cháu Nguyễn Trần Vân M – sinh ngày 14/8/2010. Xét thấy, do anh chị đã thống nhất ý kiến giao cháu M cho chị V chăm sóc nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị V, anh T khai không có không yêu cầu Tòa án giải quyết nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Theo quy định tại điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Do đó, chị V phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Xét quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát phù hợp nhận định trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147, 220, 228, 266, 267 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích V đối với bị đơn anh Nguyễn Phong T về việc "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung".

Tuyên xử:

Cho chị Nguyễn Thị Bích V được ly hôn anh Nguyễn Phong T.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trần Vân M – sinh ngày 14/8/2010 chị V trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi vị trí nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị V, anh T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bích V phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí chị V đã nộp theo biên lai thu số 003960 ngày xx/mm/yyyy của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N (chị Vđã nộp xong).

Báo các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- VKS,THADS,TAT;
- UBND xã, PTP;
- Đương sự;
- Lưu (HS, VP).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Duy Thức

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích Vân đối với bị đơn anh Nguyễn Phong Trần về việc "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung".

Tuyên xử:

Cho chị Nguyễn Thị Bích Vân được ly hôn anh Nguyễn Phong Trần.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trần Vân My – sinh ngày 14/8/2010 chị Vân trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh Trần không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Trần được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi vị trí nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Vân, anh Trần khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bích Vân phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí chị Vân đã nộp theo biên lai thu số 003960 ngày 11/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch (chị Vân đã nộp xong).

Báo các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự văng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Hiếu **Ngô Tấn Thanh** **Nguyễn Duy Thức**